BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:66 /BC-BTTTT

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2020

VP.UBND TỈNH SÓC TRĂNG
ĐẾN Số: 10811BTT
Ngày: 04/8/20
Chuyển: 9 → 4
Lưu Hồ Sơ Số:

BÁO CÁO
Về kết quả xếp hạng Chính phủ điện tử năm 2020 theo đánh giá của Liên Hợp Quốc

Ngày 10/7/2020, Liên Hợp Quốc công bố Báo cáo khảo sát xếp hạng mức độ phát triển Chính phủ điện tử của 193 quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn cầu. Bộ Thông tin và Truyền thông xin báo cáo như sau:

1. Thông tin chung

1.1. Chủ đề và thời gian các lần công bố

a) Báo cáo xếp hạng là ấn phẩm chính thức của Liên Hợp Quốc, được thực hiện bởi Cơ quan về các vấn đề Kinh tế và Xã hội. Báo cáo được công bố lần đầu năm 2001, định kỳ 2 năm một lần. Chủ đề qua 11 lần công bố như sau:

- 2020 **Chính phủ số** trong một thập kỷ hành động vì sự phát triển bền vững
- 2018 Chính phủ điện tử hỗ trợ chuyển đổi xã hội bền vững, phục hồi nhanh
- 2016 Chính phủ điện tử vì sự phát triển bền vững
- 2014 Chính phủ điện tử vì tương lai của chúng ta
- 2012 Chính phủ điện tử vì con người
- 2010 Chính phủ điện tử trong bối cảnh khủng khoảng kinh tế tài chính
- 2008 Từ Chính phủ điện tử đến việc liên thông quản lý
- 2005 Từ Chính phủ điện tử đến sự tham gia của mọi người
- 2004 Chính phủ điện tử mang đến cơ hội cho mọi người
- 2003 Chính phủ điện tử ở ngã ba đường
- 2001 Chính phủ điện tử: Một cái nhìn toàn cầu

b) Năm 2020 được coi là năm khởi đầu của thập kỷ, trong đó, Chính phủ số được xác định là giải pháp quan trọng nhằm cụ thể hoá Mục tiêu phát triển bền vững đặt ra đến năm 2030.

1.2. Chỉ số đánh giá

a) Báo cáo xếp hạng 193 quốc gia, vùng lãnh thổ (gồm 43 quốc gia Châu Âu; 47 quốc gia Châu Á; 35 quốc gia Châu Mỹ; 54 quốc gia Châu Phi; 14 quốc gia Châu Đại Dương) trong giai đoạn từ tháng 10/2017 đến tháng 9/2019, trên cơ sở đánh giá chỉ số phát triển, được cấu thành bởi 03 chỉ số chính, có trọng số như nhau: Chỉ số Hạ tầng viễn thông, Chỉ số Nhân lực và Chỉ số Dịch vụ trực tuyến.

b) Mỗi chỉ số có giá trị từ 0 (tối thiểu) đến 1 (tối đa). Chỉ số tổng hợp là trung bình cộng của các chỉ số thành phần. Cụ thể:

- Chỉ số Hạ tầng viễn thông dựa trên dữ liệu cung cấp bởi Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU);

- Chỉ số Nguồn nhân lực dựa trên dữ liệu cung cấp bởi Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá (UNESCO);

- Chỉ số Dịch vụ trực tuyến được tính toán dựa trên dữ liệu thu thập thông qua phiếu khảo sát gửi tới các quốc gia thành viên và phiếu khảo sát ý kiến chuyên gia được thực hiện độc lập.

c) Báo cáo phân loại mức độ phát triển thành 4 nhóm:

- Rất cao: Chỉ số tổng hợp lớn hơn 0,75;

- Cao: Chỉ số tổng hợp từ 0,5 đến 0,75;

- Trung bình: Chỉ số tổng hợp từ 0.25 đến 0,5;

- Thấp: Chỉ số tổng hợp nhỏ hơn 0,25.

d) Bên cạnh đó, Báo cáo còn khảo sát và đánh giá thêm 3 chỉ số phụ khác, nhưng không tính vào kết quả chung, gồm Chỉ số Tham gia điện tử, Chỉ số Dịch vụ trực tuyến của địa phương (lần đầu tiên thực hiện năm 2018 với 40 thành phố, năm 2020 mở rộng thực hiện với 100 thành phố) và Chỉ số Dữ liệu mở của Chính phủ (lần đầu tiên thực hiện).

(Chi tiết về các chỉ số tại Phụ lục 1)

2. Kết quả năm 2020

2.1. Xếp hạng của Việt Nam

a) Việt Nam tăng 2 bậc, xếp hạng 86/193 quốc gia, 24/47 Châu Á và 6/11 Đông Nam Á. Chỉ số tổng hợp của Việt Nam là 0,6667, cao hơn chỉ số trung bình thế giới và khu vực, thuộc nhóm quốc gia ở mức Cao.

b) Trong các chỉ số thành phần, Việt Nam có cải thiện vượt bậc ở Chỉ số Hạ tầng viễn thông (tăng 31) bậc, cải thiện ở Chỉ số Nhân lực (tăng 3 bậc) và tụt hạng đáng kể ở Chỉ số Dịch vụ trực tuyến (giảm 22 bậc).

c) Kết quả xếp hạng của Việt Nam trong 3 chỉ số phụ như sau:

- Chỉ số Tham gia điện tử: Việt Nam tăng 2 bậc, xếp hạng 70/193 toàn cầu, 23/47 Châu Á và 6/11 Đông Nam Á, thuộc nhóm quốc gia ở mức Cao.

- Chỉ số Dịch vụ trực tuyến của địa phương: Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương duy nhất của Việt Nam trong danh sách, xếp thứ 42/100, thuộc nhóm quốc gia ở mức Trung bình.

- Chỉ số Dữ liệu mở: Việt Nam xếp hạng 97/193 quốc gia, 26/47 Châu Á và 6/11 Đông Nam Á, thuộc nhóm quốc gia ở mức Trung bình.

d) Ngoài ra, Việt Nam được đánh giá cao ở những nỗ lực của Ngành Thuế khi thực hiện kê khai thuế điện tử, thanh toán điện tử và hải quan điện tử.

(Chi tiết về kết quả xếp hạng của Việt Nam tại Phụ lục 2)

2.2. Xếp hạng của các nước trên thế giới

a) Ở góc độ châu lục, Châu Âu dẫn đầu về chỉ số phát triển, tiếp theo lần lượt là Châu Á, Châu Mỹ, Châu Đại Dương và Châu Phi.

b) Ở góc độ quốc gia, có 57 quốc gia (29,5%) ở mức Rất cao, 69 quốc gia (35,8%) ở mức Cao, 59 quốc gia ở mức Trung bình (30,6%) và 08 (4,1%) quốc gia ở mức Thấp. Trong nhóm 10 quốc gia dẫn đầu thế giới có 6 quốc gia Châu Âu (3 quốc gia Bắc Âu), 2 quốc gia Châu Đại Dương, 1 quốc gia Châu Mỹ và 1 quốc gia Châu Á. Trong đó, một số nét đáng chú ý:

- Đan Mạch duy trì vị trí dẫn đầu thế giới với tất cả các chỉ số đều ở ngưỡng gần tối đa.

- Hàn Quốc đứng thứ 2 thế giới và có Chỉ số Dịch vụ trực tuyến cao nhất thế giới, đạt giá trị tối đa.

- Singapore tụt hạng từ thứ 7 năm 2018 xuống thứ 11 năm 2020, Estonia tăng hạng từ thứ 16 năm 2018 lên thứ 3 năm 2020.

c) Nhóm 10 quốc gia dẫn đầu thế giới có 6 điểm chung đáng chú ý như sau:

- Có chiến lược phát triển Chính phủ số/Chính phủ điện tử;

- Có quy định về dữ liệu mở của Chính phủ và có cổng dữ liệu quốc gia;

- Có quy định về định danh và xác thực số;

- Có bộ đo các chỉ số phát triển;

- Có cổng dịch vụ công quốc gia;

- Có sáng kiến, tham gia dẫn dắt phát triển trong khu vực và quốc tế.

(Chi tiết về kết quả xếp hạng toàn cầu tại Phụ lục 3)

2.3. Phân tích, đánh giá kết quả xếp hạng của Việt Nam

a) Việt Nam đã duy trì được việc tăng hạng liên tục từ năm 2014 đến nay, từ vị trí 99 lên vị trí 86, cũng đã phản ánh được những nỗ lực của Việt Nam. Tuy nhiên, thứ hạng của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á vẫn chưa thay đổi. Đáng lưu ý:

- Khoảng cách giữa Việt Nam và các quốc gia đang xếp sau trong khu vực như Indonesia, Campuchia bị thu hẹp đáng kể. Nhiều quốc gia có sự tăng hạng mạnh: Indonesia tăng 19 bậc, Thái Lan tăng 16 bậc, Myanmar tăng 11 bậc.

- Cả 5 quốc gia xếp trên Việt Nam là: Singapore, Malaysia, Thái Lan, Brunei, Phillipines và quốc gia xếp ngay sau Việt Nam là Indonesia đều đã tuyên bố Chiến lược phát triển Chính phủ số.

Vì vậy, muốn thay đổi thứ hạng quốc gia, Việt Nam phải quyết tâm và nỗ lực mạnh mẽ hơn nữa.

b) Chỉ số Dịch vụ trực tuyến của Việt Nam bị tụt hạng, điểm tuyệt đối giảm từ 0,7361 năm 2018 xuống 0,6529 năm 2020, xếp hạng giảm từ 59 năm 2018 xuống 81 năm 2020 vì những lý do sau đây:

- Cách thức khảo sát, đánh giá Chỉ số này của Liên Hợp Quốc thay đổi so với năm 2018. Trên bình diện tổng thể, Chỉ số Dịch vụ trực tuyến trung bình của cả thế giới năm 2020 cũng giảm so với năm 2018.

- Mốc chốt thời gian lấy số liệu đến tháng 9/2019, nên nhiều nỗ lực của Việt Nam thời gian qua, đặc biệt là trong 6 tháng đầu năm 2020, chưa được ghi nhận trong kết quả xếp hạng lần này.

c) Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ đặt mục tiêu cải thiện thứ bậc của Việt Nam trên Bảng xếp hạng Chính phủ điện tử của Liên Hợp Quốc từ 10-15 bậc. Vì vậy, ngay từ đầu năm 2020, Bộ Thông tin và Truyền thông đã nỗ lực điều phối đẩy mạnh thực hiện trên phạm vi toàn quốc. Những nỗ lực này của Việt Nam dự kiến sẽ có tác động đến Bảng xếp hạng lần tới dự kiến công bố vào năm 2022.

3. Xu hướng đáng chú ý

3.1. Trung Quốc gia tăng mức độ ảnh hưởng

a) Ông Lưu Chấn Dân, nguyên Thứ trưởng Ngoại giao Trung Quốc, trở thành Người đứng đầu Cơ quan về các vấn đề kinh tế và xã hội của Liên Hợp Quốc, cơ quan chủ trì thực hiện Báo cáo xếp hạng, từ tháng 7/2017. Báo cáo năm 2020 lần đầu tiên được đặt dưới trách nhiệm trực tiếp của một người gốc Trung Quốc là ông Juwang Zhu.

b) Thứ hạng năm 2020 của Trung Quốc có bước tiến lớn, tăng 20 bậc so với năm 2018. Ngoài ra, Campuchia cũng thay đổi thứ hạng đáng kể, tăng 21 bậc so với năm 2018.

3.2. Chính phủ số trở thành xu hướng tất yếu

a) Năm 2020 là lần đầu tiên thuật ngữ Chính phủ số được Liên Hợp Quốc sử dụng làm chủ đề của Báo cáo. Chính phủ số không phải là một khái niệm thay thế Chính phủ điện tử, cũng không phải là một khái niệm tách rời không liên quan đến Chính phủ điện tử. Chính phủ số bao hàm Chính phủ điện tử, nhưng thể hiện một sự thay đổi về mặt nhận thức, một mức độ trưởng thành lớn hơn, phát triển cao hơn so với Chính phủ điện tử.

b) Liên Hợp Quốc xác định:

- Chính phủ số ngày càng đóng vai trò quan trọng trong thập kỷ hành động tới đây hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững. Chính phủ số mang đến cho mọi người các dịch vụ công bằng, toàn diện và bền vững, mọi nơi, mọi lúc, không ai bị bỏ lại phía sau, là thành phần cốt yếu cho sự phát triển bền vững của nhiều quốc gia.

- COVID-19 đã minh chứng cho điều này, ngay trong các hoàn cảnh khó khăn của các xã hội, các dịch vụ số được cung cấp một cách nhanh chóng, hiệu quả, giúp duy trì sự lãnh đạo của chính phủ, tạo sự gắn kết xã hội, tăng cường hợp tác quốc tế. Vai trò của Chính phủ số sẽ được tiếp tục sau dịch bệnh. Con đường phía trước là "trạng thái bình thường số mới" (new digital normal) thích ứng với các thách thức toàn cầu và theo đuổi sự phát triển bền vững.

3.3. Bảy điểm khác biệt giữa Chính phủ điện tử và Chính phủ số

a) Chính phủ như là một nền tảng (Government as a Platform).

Đó là sự chuyển đổi về tư duy quản lý, từ việc Chính phủ cung cấp dịch vụ công để phục vụ sự quản lý nhà nước là chính sang việc Chính phủ cung cấp dịch vụ công mang tính nền tảng, để kiến tạo sự phát triển cho xã hội là chính.

Đó là sự chuyển đổi về cách thức triển khai, từ việc triển khai các dịch vụ riêng lẻ theo từng hệ thống riêng lẻ đến việc triển khai toàn bộ các dịch vụ thông qua một nền tảng. Ví dụ, một cơ quan cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến

mức độ 4 thông qua việc sử dụng nền tảng thay vì triển khai riêng lẻ từng dịch vụ công trực tuyến theo từng hệ thống công nghệ thông tin khác nhau.

b) Tích hợp đa kênh trực tuyến và trực tiếp trong việc cung cấp dịch vụ

Đó là sự chuyển đổi về cách thức cung cấp dịch vụ, từ việc cơ quan chính quyền hoặc chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến (online), hoặc chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tiếp (offline), hoặc đây là 2 quy trình riêng rẽ, đến việc tích hợp, cung cấp dịch vụ đa kênh, tạo ra sự tiện lợi và mang đến trải nghiệm tốt nhất cho người sử dụng. Lúc này, ranh giới hành chính giữa các bộ, ngành, ranh giới địa lý giữa các địa phương sẽ bị xoá nhòa.

Ví dụ, người dân, tuỳ theo kỹ năng số và điều kiện của mình, có thể lựa chọn kênh thực hiện thủ tục hành chính phù hợp. Có thể nộp hồ sơ trực tuyến ở bất cứ đâu, nhưng nhận kết quả trực tiếp tại địa điểm mong muốn. Có thể nộp hồ sơ trực tiếp ở địa điểm phục vụ gần nhất, nhưng nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả tại một địa điểm khác mà họ mong muốn.

c) Khả năng linh hoạt, nhanh chóng cung cấp dịch vụ mới

Đó là sự chuyển đổi về thời gian cần thiết để đưa ra một dịch vụ mới, từ vài tháng, vài năm theo cách cũ đến chỉ còn vài tuần, vài ngày, thậm chí vài giờ, theo cách mới để phản ứng kịp thời với thách thức hoặc nhu cầu của xã hội.

Ví dụ, trong khi diễn ra cách ly xã hội trong giai đoạn COVID-19, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh chỉ mất vài ngày có thể triển khai dịch vụ tờ khai xuất nhập cảnh điện tử. Chính quyền có thể đo lường theo thời gian thực hành vi tụ tập đông người và các điểm nóng dịch bệnh để cảnh báo tức thời, theo thời gian thực, tới người dân.

d) Cho phép sự tham gia nhiều hơn của người dân, của doanh nghiệp

Đó là sự chuyển đổi về cách thức tương tác giữa người dân và cơ quan chính quyền, từ việc người dân chỉ thụ động nhận kết quả đến việc người dân có thể tham gia vào việc làm cho chất lượng dịch vụ trở nên tốt hơn, từ việc doanh nghiệp chỉ tham gia vào thiết lập các hệ thống kỹ thuật công nghệ để cung cấp dịch vụ đến việc doanh nghiệp có thể tham gia cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng cho người dân trên cơ sở dữ liệu mở của Chính phủ.

Trong sự chuyển đổi này, Chính phủ không chỉ cung cấp dịch vụ công, mà còn trở thành nhà cung cấp nền tảng lớn cho phép bên thứ 3 kết nối, ví dụ, dữ liệu mở hoặc các hệ thống phân tích dữ liệu, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Ví dụ, các dịch vụ triển khai giai đoạn COVID-19 như dịch vụ khai báo tình trạng sức khoẻ bản thân, khai báo trường hợp nghi nhiễm v.v… hay dịch vụ phản ánh hiện trường trong đô thị thông minh.

đ) Dữ liệu là trung tâm

Đó là sự chuyển đổi về cách thức ra quyết định của cơ quan chính quyền từ dựa trên báo cáo bản giấy truyền thống là chính sang dựa trên dữ liệu phân tích định lượng, có thể được tổng hợp tự động từ nhiều nguồn khác nhau.

Ví dụ, quá trình ra quyết định phân luồng, cho phép thông quan hàng hoá ở cửa khẩu được hỗ trợ bởi việc tự động tổng hợp, phân tích dữ liệu liên quan (khai báo điện tử, truy xuất dữ liệu lịch sử, v.v...) đã giúp rút thời gian xử lý từ nhiều giờ xuống chỉ còn vài giây.

e) Phát triển kỹ năng số

Đó là sự chuyển đổi về kỹ năng số của từng cán bộ trong cơ quan chính quyền từ việc chỉ đơn thuần là kỹ năng sử dụng công nghệ sang bổ sung thêm các kỹ năng về phân tích, xử lý dữ liệu và kỹ năng giao tiếp hiệu quả với các bên để thích ứng với sự chuyển đổi từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số.

g) Ứng dụng công nghệ mới

Đó là sự chuyển đổi về cách thức ứng dụng công nghệ trong cơ quan nhà nước khi xuất hiện hàng loạt công nghệ mới, chuyển từ việc ứng dụng công nghệ để đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ sang ứng dụng công nghệ để phục vụ và thích ứng kịp với sự phát triển nhanh và sáng tạo của nền kinh tế số, sự bùng nổ thông tin và sự phát triển của xã hội số.

Trước đây, vòng đời của một giải pháp công nghệ ứng dụng trong Chính phủ được tính theo năm thì hiện nay, các giải pháp công nghệ phải nâng cấp hàng tháng, thậm chí hàng tuần để đáp ứng nhu cầu quản lý.

Trước đây, việc thay đổi quy trình nghiệp vụ, cải cách hành chính thường được đánh giá và ra quyết định dựa trên các cuộc khảo sát tốn kém và mất nhiều thời gian thì nay, việc cải tiến quy trình nghiệp vụ được tiến hành thường xuyên dựa trên dữ liệu của chính các hệ thống công nghệ đang vận hành nhờ các ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn.

Việc ứng dụng công nghệ mới giúp Chính phủ phục vụ theo nhu cầu riêng của từng người dân, doanh nghiệp, chẳng hạn các ứng dụng AI chatbots, ứng dụng di động kết hợp trợ lý ảo.

Thậm chí, công nghệ chuỗi khối được ứng dụng trong một số lĩnh vực như tài chính, tiền tệ, xác thực ... đã buộc các quốc gia phải nhìn nhận lại một cách nghiêm túc về khả năng chủ động ứng dụng công nghệ này nếu không muốn bị mất đi vai trò của mình.

3.4. Bốn thách thức khi phát triển Chính phủ số

Khi phát triển Chính phủ số sẽ đối mặt nhiều thách thức, trong đó nổi bật lên 4 nhóm cụ thể là: Hạ tầng số không đáp ứng; Thiếu nguồn lực, năng lực triển khai; Bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn an ninh mạng; Khoảng cách số giữa các nhóm xã hội ngày càng rộng.

3.5. Chín trụ cột quan trọng của Chính phủ số

(1) Tầm nhìn, lãnh đạo, tư duy đổi mới: Nâng cao khả năng lãnh đạo chuyển đổi số, thay đổi tư duy, năng lực chuyển đổi số đến từng cá nhân; có chiến lược phát triển Chính phủ số gắn liền với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

(2) Khung pháp lý, thể chế: Phát triển môi trường pháp lý gồm cả khung pháp lý đầy đủ cho Chính phủ số và khung pháp lý thử nghiệm chính sách.

(3) Tổ chức và văn hoá: Chuyển đổi mô hình tổ chức, thiết lập sứ mệnh, hình thành văn hoá, bổ sung chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số.

(4) Tư duy hệ thống: Thúc đẩy tư duy hệ thống và phát triển cách tiếp cận tổng thể trong quá trình hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ.

(5) Quản trị dữ liệu: Bảo đảm quá trình ra quyết định dựa trên dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở để phát triển kinh tế - xã hội.

(6) Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông: Xây dựng hạ tầng kết nối băng rộng, sử dụng công nghệ tiên tiến; bảo đảm kết nối, liên thông, an toàn an ninh mạng.

(7) Các nguồn lực: Huy động các nguồn lực phù hợp với các kế hoạch, mức độ ưu tiên, bao gồm cả hình thức đối tác công tư để phát triển Chính phủ số.

(8) Năng lực của các tổ chức đào tạo: Nâng cao năng lực của các tổ chức đào tạo hành chính công để bảo đảm phát triển nhân lực cho Chính phủ số.

(9) Năng lực xã hội: Phát triển kỹ năng số cho người dân để không ai bị bỏ lại phía sau, giảm khoảng cách số.

4. Đề xuất, kiến nghị

Để đẩy mạnh phát triển Chính phủ số giai đoạn mới, đồng thời nâng cao vị trí xếp hạng của Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giao trách nhiệm cho các bộ, ngành, địa phương triển khai các giải pháp chính như sau:

4.1. Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Đôn đốc các bộ, ngành, địa phương tích cực triển khai Chính phủ điện tử, nâng cao Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam theo phương pháp đánh giá của Liên Hợp Quốc. Trong đó, tập trung chỉ đạo, đôn đốc nâng cao Chỉ số Dịch vụ trực tuyến, Chỉ số Hạ tầng viễn thông;

- Trình Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành Chiến lược phát triển Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó rà soát nội dung để các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với các xu thế phát triển Chính phủ số và xây dựng Kế hoạch phát triển Chính phủ số giai đoạn 2021-2023 để cụ thể hoá Chiến lược này;

- Khẩn trương phát triển các hệ thống kỹ thuật nền tảng quốc gia hỗ trợ cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mở dữ liệu của cơ quan nhà nước, trước hết là: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc; Cổng Dữ liệu quốc gia;…

- Liên hệ chặt chẽ với các cơ quan hữu quan của Liên Hợp Quốc để cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời phục vụ khảo sát, đánh giá xếp hạng Chính phủ điện tử; đẩy mạnh công tác truyền thông, công khai trực tuyến những kết quả đạt được về triển khai Chính phủ điện tử Việt Nam để các tổ chức, cá nhân dễ dàng học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm.

4.2. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

- Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng cho công cuộc chuyển đổi số quốc gia; trong đó, chú trọng phát triển kỹ năng số cho mọi người dân để không ai bị bỏ lại phía sau;

- Nâng cao Chỉ số Nguồn nhân lực theo phương pháp đánh giá Chính phủ điện tử của Liên Hợp Quốc. Trong đó, tập trung triển khai các giải pháp đồng bộ để tăng tỷ lệ nhập học từ cấp tiểu học đến cấp trung học phổ thông, tăng số năm đi học trung bình của người trưởng thành, tạo môi trường thuận lợi để xã hội học tập và học tập suốt đời;

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục và đào tạo; đưa Giáo dục và Đào tạo trở thành một trong các lĩnh vực đi đầu trong chuyển đổi số;

- Cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về Chỉ số Nguồn nhân lực phục vụ khảo sát, đánh giá xếp hạng Chính phủ điện tử của Liên Hợp Quốc.

4.3. Các bộ, ngành, địa phương:

- Tập trung triển khai, ưu tiên nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025. Trong đó, tập trung hoàn thành dứt điểm các chỉ tiêu đặt ra trong năm 2020, đặt biệt là chỉ tiêu cung cấp 30% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; thực hiện cách làm mới, đẩy nhanh tiến độ, để có thể hướng tới cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ cao ngay trong năm 2021;

- Triển khai các giải pháp đẩy mạnh thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; chú trọng phát triển Chính phủ số, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số, cung cấp hiệu quả các dịch vụ số phục vụ thiết thực cuộc sống người dân như về y tế, giáo dục, an sinh xã hội, việc làm, pháp luật.

Bộ Thông tin và Truyền thông kính báo cáo./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (để b/c);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các Ủy viên UBQG về CPĐT;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, THH (TTDVCTT).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Ký bởi: Bộ thông tin và Truyền thông
Cơ quan: Bộ Thông tin và Truyền thông
Thời gian ký: 03/08/2020 16:05:05

Nguyễn Thành Hưng